

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ QUAO
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 11/3/2022.

V/v: **Ly hôn**.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Thùy Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lương Thị Cẩm Thúy.

2. Ông Lê Văn Phúc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nghĩa – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 11 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 45/2022/TLST-HNGĐ, ngày 15 tháng 02 năm 2022, về việc: “**Ly hôn**”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 25 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ông Nguyễn Văn Th** - sinh năm 1975, có đơn xin vắng mặt.

Địa chỉ: **ấp 8, xã V**, huyện G, tỉnh K.

2. Bị đơn: **Bà Nguyễn Thị Th1** - sinh năm 1976, có đơn xin vắng mặt.

Địa chỉ: **ấp 8, V**, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 02/11/2021, bản tự khai và lời trình bày của nguyên đơn **ông Nguyễn Văn Th** như sau: Ông với **bà Nguyễn Thị Th1** tìm hiểu nhau được một thời gian thì tiến đến hôn nhân vào năm 1996, hôn nhân tự nguyện, ông bà được cha mẹ tổ chức đám cưới nhưng **không có** đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Ông và bà Nguyễn Thị Th1 sống hạnh phúc được 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do **bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên thường xuyên cự cãi, không có tiếng nói chung, ông bà đã sống ly thân nhau được 03 năm nay**. Sau thời gian mâu thuẫn và sống ly thân, **ông** xét thấy cuộc sống hôn nhân không còn hàn gắn được, vợ chồng không còn tình cảm yêu thương nhau, nên **ông** yêu cầu Tòa án giải quyết cho **ông** được ly hôn với **bà Nguyễn Thị Th1**.

Sau thời gian chung sống ông và bà Nguyễn Thị Th1 có 01 người con chung tên **Nguyễn Nhựt H** – sinh ngày 23/5/1998.

Về tài sản chung: Ông bà tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông cam đoan ông bà không có nợ chung. Nếu sau khi ông bà ly hôn mà có người kiện ông bà đòi nợ chung của vợ chồng ông thì ông hoàn toàn chịu trách nhiệm trả nợ chung theo quy định của pháp luật.

Nguyên vọng:

Về quan hệ hôn nhân: Ông xin được ly hôn với bà Nguyễn Thị Th1.

Về con chung: Hiện con của ông đã trưởng thành và có công việc ổn định nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông bà tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông bà không có nợ chung nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 15/02/2022 và biên bản hòa giải ngày 21/02/2022, bị đơn bà Nguyễn Thị Th1 trình bày: Bà thống nhất với lời trình bày của ông Nguyễn Văn Th về hôn nhân, về con chung, về tài sản chung và nợ chung, ngoài ra bà không yêu cầu gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa ông Nguyễn Văn Th và bà Nguyễn Thị Th1 là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28, 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Ông Nguyễn Văn Th và bà Nguyễn Thị Th1 đều có đơn có đơn xin vắng mặt, xét thấy việc vắng mặt của ông Thà và bà Thu không làm ảnh hưởng đến nội dung vụ án nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông Thà và bà Thu.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn Th và bà Nguyễn Thị Th1 sống chung với nhau vào năm 1996, hôn nhân tự nguyện và ông bà có thời gian sống hạnh phúc được 05 năm, ông bà được gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục nhưng ông bà không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 08 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1986. Trong quá trình chung sống, ông bà cũng không có đăng ký kết hôn, do ông bà không tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật về hôn nhân gia đình nên hôn nhân của ông bà là hôn nhân không hợp pháp, tại thời điểm xét xử, Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 đã có hiệu lực nên căn cứ vào Điều 53 và 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ giữa ông Nguyễn Văn Th và bà Nguyễn Thị Th1 là vợ chồng.

[3] Về con chung: Ông Nguyễn Văn Th và bà Nguyễn Thị Th1 có 01 người con chung tên Nguyễn Nhựt H – sinh ngày 23/5/1998. Hiện nay con của ông bà đã

trưởng thành và có công việc ổn định, ông Nguyễn Văn Th và bà Nguyễn Thị Th1 đều không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Ông Nguyễn Văn Th và bà Nguyễn Thị Th1 đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí HNGĐST: Áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí. Ông Nguyễn Văn Th phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí trước đây theo biên lai thu số 0006671, ngày 15/02/2022, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang. Như vậy, ông Nguyễn Văn Th đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 53 và 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;
- Áp dụng Điều 28, 35, 39, 147, 228 và 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015;
- Áp dụng Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

1. Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Th.

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa ông Nguyễn Văn Th và bà Nguyễn Thị Th1 là vợ chồng.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn Th phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí trước đây theo biên lai thu số 0006671, ngày 15/02/2022, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

**TM./ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKS Gò Quao;
- Chi cục THA;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Phan Thị Thùy Trang